

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2018/DSST

Ngày 06/03/2018

V/v tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK - TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phụng Ayun.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Mai Chí Dũng.

2. Ông Trần Xuân Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thao - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Y Ker B'Krông - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 03 năm 2018, tại Hội trường A trụ sở Toà án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc N, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Số 07 Đinh Tiên H, tổ dân phố Đ, thị trấn Liên S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Võ Quốc T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

3. *Người làm chứng:*

Ông Phạm Văn S, sinh năm: 1974; địa chỉ: Số 07 Đinh Tiên H, tổ dân phố Đ, thị trấn Liên S, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

Bà Đoàn Thị T; địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua đơn khởi kiện ngày 12/9/2017, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N trình bày: Ông Võ Quốc T có vay tiền của bà Nguyễn Ngọc N là ba lần cụ thể như sau. Vào ngày 12/02/2017 ông T vay của bà N số tiền là 30.000.000 đồng, hẹn đến ngày 12/4/2017 sẽ trả nợ đầy đủ và *(có làm giấy tờ ghi nhận nợ đầy đủ)*. Đến ngày 04/3/2017 ông T vay tiếp của bà N số tiền là 30.000.000 đồng, hẹn đến ngày 04/5/2017 sẽ trả nợ đầy đủ và *(có làm giấy tờ ghi nhận nợ đầy đủ)*. Đến ngày 19/6/2017 ông T vay tiếp của bà N số tiền là 65.000.000 đồng, hẹn đến ngày 19/7/2017 sẽ trả nợ đầy đủ và *(có làm giấy tờ ghi nhận nợ đầy đủ)*. Cả 03 lần ông T vay số tiền trên, hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng, nhưng không có ghi vào trong giấy vay nợ. Tổng cộng cả 03 lần vay với số tiền là: 125.000.000 đồng. Mặc dù quá hạn trả nợ và bà N đã nhắc nhở đến đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn cố tình dây dưa không chịu trả cho bà N đồng nào cả. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho bà Nguyễn Ngọc N nên bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết để buộc ông Võ Quốc T phải có nghĩa vụ trả đầy đủ tổng số tiền nợ gốc cả 03 lần vay là 125.000.000 đồng và đồng thời yêu cầu tính lãi (1%/tháng) từ ngày vay cho đến ngày khởi kiện là ngày 12/9/2017 như sau: Số tiền vay 30.000.000 đồng, tính từ ngày 12/02/2017 đến ngày 12/9/2017 là 07 tháng, tức $30.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 07 \text{ tháng} = 300.000 \text{ đồng}$ (10.000 đồng/ngày), số tiền lãi là $210 \text{ ngày} \times 10.000 \text{ đồng/ngày} = 2.100.000 \text{ đồng}$. Vậy, gốc là 30.000.000 đồng + lãi là 2.100.000 đồng = 32.100.000 đồng.

- Số tiền vay 30.000.000 đồng, tính từ ngày 04/3/2017 đến ngày 12/9/2017 là 06 tháng, tức $30.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} = 300.000 \text{ đồng}$ (10.000 đồng/ngày) là $188 \text{ ngày} \times 10.000 \text{ đồng/ngày} = 1.880.000 \text{ đồng}$. Vậy, gốc là 30.000.000 đồng + lãi là 1.880.000 đồng = 31.880.000 đồng.

- Số tiền vay 65.000.000 đồng, tính từ ngày 19/6/2017 đến ngày 12/9/2017 là 02 tháng 26 ngày, vậy $65.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} = 650.000 \text{ đồng}$ (22.000 đồng/ngày), số tiền lãi $86 \text{ ngày} \times 22.000 \text{ đồng/ngày} = 1.892.000 \text{ đồng}$. Vậy, gốc 65.000.000 đồng + lãi là 1.892.000 đồng = 66.892.000 đồng. Vậy bà Nguyễn Ngọc N yêu cầu ông Võ Quốc T phải trả cả nợ gốc và lãi cả 03 lần vay tổng cộng là: 130.872.000 đồng. Nếu như ông T không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ trên thì vẫn tiếp tục yêu cầu tính lãi phát sinh sau ngày khởi kiện ngày 12/9/2017 cho đến nay. Ngoài ra bà N không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Võ Quốc T trình bày: Ông T vẫn chấp nhận một phần với ý kiến của bà Nguyễn Ngọc N đã trình bày trên đây. Nhưng ông T chỉ chấp nhận trả số tiền còn nợ cho bà N giấy vay ngày 19/6/2017 số tiền 65.000.000 đồng là do làm ăn buôn bán khoai lang với bà N bị thua lỗ nên ông T chưa trả được cho bà N. Còn 02 giấy vay nợ ngày 12/02/2017 số tiền 30.000.000 đồng và giấy vay nợ ngày 04/3/2017 số tiền 30.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng thì ông T không chấp nhận trả, vì số tiền 60.000.000 đồng này ông T đã trả xong nợ cho bà N rồi, không còn nợ gì của bà N cả. Hai khoản nợ trên ông T trả vào khoảng tháng 4/2017 *(không nhớ rõ ngày)*, ông T đã trả trực tiếp cho bà N 30.000.000 đồng tại

nhà bà N (hai bên không làm giấy tờ gì). Lần thứ hai cũng vào khoảng tháng 4/2017 (không nhớ rõ ngày), ông T đã trả trực tiếp cho bà N 30.000.000 đồng tại nhà bà N (hai bên không làm giấy tờ gì); cả hai lần trả số tiền trên có bà Đoàn Thị T (vợ của ông T) ở thôn S, xã B, huyện L và ông Phạm Văn S (chồng của bà N) đều làm chứng. Vì vậy, ông Võ Quốc T chỉ đồng ý chấp nhận trả số tiền còn nợ cho bà Nguyễn Ngọc N là 65.000.000 đồng gốc và số tiền lãi ông T xin bà N không được tính lãi nữa, vì hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, do làm ăn thua lỗ, không đủ khả năng để trả nợ.

Sau khi thụ lý vụ kiện, mặc dù Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng các bên đương sự vẫn không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu của mình cũng như đã khai trong bản tự khai, trong biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bà Nguyễn Ngọc N vẫn yêu cầu buộc ông Võ Quốc T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà N số tiền gốc 125.000.000 đồng và đồng thời yêu cầu tính lãi phát sinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật. Còn ông Võ Quốc T chỉ chấp nhận trả số tiền nợ cho bà Nguyễn Ngọc N 65.000.000 đồng gốc và số tiền lãi ông T xin bà N không được tính lãi nữa. Các bên đương sự không có xuất trình chứng cứ mới hoặc phát sinh những tình tiết mới của vụ án tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện L thụ lý vụ án dân sự về quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N với bị đơn ông Võ Quốc T là đúng quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Thẩm phán đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463, Khoản 1, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, 144, 147, 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N về việc đòi số tiền nợ 125.000.000 đồng đối với ông Võ Quốc T.

2. Buộc ông Võ Quốc T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Nguyễn Ngọc N số tiền gốc cả 03 lần vay tổng cộng là 125.000.000 đồng là hợp lý và đồng thời phải chịu khoản tiền lãi phát sinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Quốc T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Quốc T phải có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ cả ba lần vay là 125.000.000 đồng và đồng thời tính lãi suất phát sinh. Đây là quan hệ phát sinh tranh chấp về dân sự “Hợp đồng vay tài sản” phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L. Do bị đơn ông Võ Quốc T có địa chỉ nơi cư trú tại huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vì vậy Tòa án căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp: Bà Nguyễn Ngọc N có cho ông Võ Quốc T vay số tiền ba lần cụ thể như sau. Vào ngày 12/02/2017 ông T vay của bà N số tiền là 30.000.000 đồng, hạn đến ngày 12/4/2017 sẽ trả nợ đầy đủ và *(có làm giấy tờ ghi nhận nợ đầy đủ)*. Đến ngày 04/3/2017 ông T vay tiếp của bà N số tiền 30.000.000 đồng, hạn đến ngày 04/5/2017 sẽ trả nợ đầy đủ và *(có làm giấy tờ ghi nhận nợ đầy đủ)*. Đến ngày 19/6/2017 ông T vay tiếp của bà N số tiền 65.000.000 đồng, hạn đến ngày 19/7/2017 sẽ trả nợ đầy đủ và *(có làm giấy tờ ghi nhận nợ đầy đủ)*. Tổng cộng cả 03 lần vay trên với số tiền là: 125.000.000 đồng, về lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận bằng miệng (1%/tháng) nhưng không có ghi vào trong giấy vay nợ. Mặc dù đã quá hạn trả nợ và bà N đã nhắc nhở đến đòi nợ nhiều lần nhưng ông T vẫn cố tình dây dưa chưa trả được đồng nào cho bà Nguyễn Ngọc N là hoàn toàn có cơ sở. Vì vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N mà Tòa án đã thu thập được thể hiện đầy đủ có trong hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp, đúng pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Vì thế, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N về việc đòi số tiền nợ cả 03 lần vay tổng cộng là 125.000.000 đồng tiền gốc đối với ông Võ Quốc T là hợp lý.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Ngọc N đối với ông Võ Quốc T cả 03 lần vay trên số tiền gốc 125.000.000 đồng và đồng thời yêu cầu tính lãi (1%/tháng) từ ngày vay cho đến ngày khởi kiện là ngày 12/9/2017 là chưa phù hợp. Như vậy, căn cứ vào Khoản 1, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 phải tính lãi đối

với số tiền này, gồm lãi trong hạn theo thỏa thuận (1%/tháng) và lãi phát sinh chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau:

- Đối với giấy vay số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 12/02/2017 đến ngày 12/4/2017 là 02 tháng (Lãi trong hạn 1%/tháng); $30.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 600.000 \text{ đồng}$. Tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 12/4/2017 đến ngày 06/03/2018 (ngày xét xử) là 329 ngày (Lãi 10%/năm : $12 = 0,83\%/\text{tháng}$); tức $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} : 30 \times 329 \text{ ngày} = 2.731.000 \text{ đồng}$ (Làm tròn).

- Đối với giấy vay số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 04/3/2017 đến ngày 04/5/2017 là 02 tháng (Lãi trong hạn 1%/tháng); $30.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} = 600.000 \text{ đồng}$. Tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 04/5/2017 đến ngày 06/03/2018 (ngày xét xử) là 305 ngày (Lãi 10%/năm : $12 = 0,83\%/\text{tháng}$); tức $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} : 30 \times 305 \text{ ngày} = 2.531.500 \text{ đồng}$.

- Đối với giấy vay số tiền 65.000.000 đồng từ ngày 19/6/2017 đến ngày 19/7/2017 là 01 tháng (Lãi trong hạn 1%/tháng); $65.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 01 \text{ tháng} = 650.000.000 \text{ đồng}$. Tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 19/7/2017 đến ngày 06/03/2018 (ngày xét xử) là 230 ngày (Lãi 10%/năm : $12 = 0,83\%/\text{tháng}$); tức $65.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% : 30 \times 230 \text{ ngày} = 4.136.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng lãi trong hạn cả ba lần vay là (1.850.000 đồng) và tổng lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cả ba lần vay đến tại thời điểm xét xử là (9.398.500 đồng). Tổng cộng lãi trong hạn và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là 11.248.500 đồng.

[5] Do đó, buộc ông Võ Quốc T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho bà Nguyễn Ngọc N là: 136.248.500 đồng. Trong đó: Gốc là 125.000.000 đồng và lãi là 11.248.500 đồng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

[6] Xét việc ông Võ Quốc T cho rằng 02 giấy vay nợ ngày 12/02/2017 với số tiền là 30.000.000 đồng và giấy vay nợ ngày 04/3/2017 với số tiền là 30.000.000 đồng, tổng cộng là 60.000.000 đồng đã trả xong nợ cho bà Nguyễn Ngọc N, việc ông T đã trả nợ cho bà N có người làm chứng là (bà Đoàn Thị T “vợ ông T” và ông Phạm Ngọc S “chồng bà N” đều chứng kiến). Nhưng qua xác minh thì bà Đoàn Thị T và ông Phạm Ngọc S cho biết, việc vay mượn tiền giữa bà Nguyễn Ngọc N và ông Võ Quốc T thì bà T và ông S không hề hay biết gì, không có chứng kiến việc ông T trả nợ cho bà N và không có liên quan gì đến việc vay mượn số tiền trên. Mặt khác, ông Võ Quốc T không có bất cứ giấy tờ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh thể hiện trong hồ sơ vụ án về việc ông T đã trả xong nợ 60.000.000 đồng cho bà N là không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra, ông Võ Quốc T chỉ chấp nhận trả nợ cho bà Nguyễn Ngọc N 01 giấy vay ngày 19/6/2017 với số tiền là 65.000.000 đồng là do làm ăn buôn bán khoai lang với bà N bị thua lỗ nên ông T chưa trả được cho bà N và xin bà N không tính tiền lãi là không có cơ sở.

[7] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện L về việc tuân theo pháp luật là phù hợp nên cần chấp nhận.

[8] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N, nên ông Võ Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Ngọc N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Khoản 1, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, 211, 220, 235, điểm c Khoản 2 Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b Khoản 1 Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc N về việc đòi số tiền nợ đối với ông Võ Quốc T.

2. Buộc ông Võ Quốc T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ cho bà Nguyễn Ngọc N tổng cộng là: 136.248.500 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Trong đó: Gốc là 125.000.000 đồng (một trăm hai mươi lăm triệu đồng) và lãi là 11.248.500 đồng (mười một triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Căn cứ Khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi đối với số tiền chậm thi hành án khi có đơn yêu cầu của người được thi hành án.

3. Về án phí: Ông Võ Quốc T phải chịu 6.812.000 đồng (sáu triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Ngọc N không phải chịu án phí và được trả lại cho bà Nguyễn Ngọc N 3.272.000 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2014/0035199 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Y Phụng Ayun
